

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2022/NQ-HĐND

Tiền Giang, ngày 08 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công
trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 5

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12
năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số
34/2016/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản
Việt Nam;*

*Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm
nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực
lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức
chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức
xã hội - nghề nghiệp;*

*Xét Tờ trình số 200/TTr-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết ban*

hành quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Báo cáo Thẩm tra số 23/BC-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khóa X, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 08 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 7 năm 2022.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang./.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Tiền Giang
(Kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Ngoài các quy định tại Quy định này, việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định riêng của Chính phủ.

2. Tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;

b) Quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;

c) Xe ô tô và phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị;

d) Quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu;

đ) Tài sản khác theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước; Văn phòng cấp ủy các huyện, thành phố, thị xã (gọi tắt là cơ quan);

2. Đơn vị sự nghiệp công lập (gọi tắt là đơn vị);

3. Tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (gọi tắt là tổ chức).

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công tại cơ quan Nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm đối với:

- a) Danh mục tài sản mua sắm tập trung của tỉnh;
- b) Trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- c) Xe ô tô;

d) Tài sản khác còn lại (trừ tài sản tại Điểm a, Điểm b, Điểm c Khoản này) có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên tính trên một đơn vị tài sản hoặc có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên tính trên danh mục, dự toán mua sắm.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh quyết định mua sắm đối với:

a) Tài sản khác còn lại có giá trị dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản hoặc có giá trị dưới 01 tỷ đồng tính trên danh mục, dự toán mua sắm trong phạm vi dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền giao cho cơ quan mình quản lý;

b) Tài sản khác còn lại có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản hoặc có giá trị từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng tính trên danh mục, dự toán mua sắm trong phạm vi dự toán cho các Chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh trong phạm vi dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền giao hoặc nguồn kinh phí được phép sử dụng (trừ đơn vị quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 9 Quy định này);

c) Tài sản khác còn lại có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản hoặc có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng tính trên danh mục, dự toán mua sắm cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Chi cục (trừ đơn vị quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 9 Quy định này).

3. Thủ trưởng Chi cục trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh

Quyết định mua sắm đối với tài sản khác còn lại có giá trị dưới 100 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản hoặc có giá trị dưới 500 triệu đồng tính trên danh mục, dự toán mua sắm trong phạm vi dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền giao.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

Quyết định mua sắm đối với tài sản khác còn lại có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản hoặc có giá trị từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng tính trên danh mục, dự toán mua sắm từ nguồn ngân sách cho Ủy ban nhân dân cấp xã, phòng, ban và đơn vị sự nghiệp công lập trực

thuộc UBND cấp huyện (trừ đơn vị quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 9 Quy định này).

5. Thủ trưởng các phòng, ban cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Quyết định mua sắm đối với tài sản khác có giá trị dưới 100 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản hoặc có giá trị dưới 500 triệu đồng tính trên danh mục, dự toán mua sắm trong phạm vi dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền giao.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc, tài sản khác phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Quyết định việc thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (trừ việc thuê quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này);

b) Quyết định việc thuê tài sản khác đối với tài sản có giá thuê tính cho cả thời gian thuê (tính cho một hợp đồng) từ 100 triệu đồng trở lên.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh:

a) Quyết định việc thuê tài sản có giá thuê tính cho cả thời gian thuê (tính cho một hợp đồng) dưới 100 triệu đồng trong phạm vi dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền giao (trừ các tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này);

b) Quyết định việc thuê tài sản có giá thuê tính cho cả thời gian thuê (tính cho một hợp đồng) từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu cho các Chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Chi cục (trừ các tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này; đơn vị quy định tại Khoản 1 Điều 10 Quy định này).

3. Thủ trưởng Chi cục trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh

Quyết định việc thuê tài sản có giá thuê tính cho cả thời gian thuê (tính cho một hợp đồng) dưới 50 triệu đồng trong phạm vi dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền giao (trừ các tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Quyết định việc thuê trụ sở làm việc của phòng, ban, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý và Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Quyết định việc thuê tài sản khác đối với tài sản có giá thuê tính cho cả thời gian thuê (tính cho một hợp đồng) từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng của phòng, ban và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý và Ủy ban nhân dân cấp xã (trừ đơn vị quy định tại Khoản 1 Điều 10 Quy định này).

5. Thủ trưởng các phòng, ban cấp huyện

Quyết định việc thuê tài sản khác đối với tài sản có giá thuê tính cho cả thời gian thuê (tính cho một hợp đồng) dưới 50 triệu đồng.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Quyết định việc thuê tài sản khác đối với tài sản có giá thuê tính cho cả thời gian thuê (tính cho một hợp đồng) dưới 50 triệu đồng.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Quyết định thu hồi tài sản công của các sở, ban, ngành tỉnh theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản công hoặc cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan quản lý nhà nước khác.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

Quyết định thu hồi tài sản công của các phòng, ban cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản công hoặc cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan quản lý nhà nước khác.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển:

a) Trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp;

b) Xe ô tô;

c) Các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản;

d) Tài sản công giữa các sở, ban, ngành tỉnh; giữa các sở, ban ngành tỉnh với các phòng, ban cấp huyện.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh

Quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, đơn vị trực thuộc (trừ các tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

Quyết định điều chuyển tài sản công giữa các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý; giữa các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý với Ủy ban nhân dân cấp xã; giữa Ủy ban nhân dân cấp xã (trừ các tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này).

Điều 7. Thẩm quyền quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công là:

a) Trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp (trừ việc thanh lý quy định tại Khoản 4 Điều này);

b) Xe ô tô;

c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công của:

a) Cơ quan, đơn vị mình quản lý đối với các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản (trừ các tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này);

b) Các Chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Chi cục đối với các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đến dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản (trừ các tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này; đơn vị quy định tại Khoản 1 Điều 11 Quy định này).

Riêng việc thanh lý tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Quy định này.

3. Thủ trưởng Chi cục trực thuộc các sở, ban ngành tỉnh

Quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công của cơ quan mình đối với các tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản (trừ các tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công của các phòng, ban, Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý đối với các tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản (trừ các tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này).

Đối với trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý sau khi có ý kiến bằng văn bản của Sở Xây dựng theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 29 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

b) Quyết định bán, tiêu hủy tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý đối với các tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản (trừ các tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này).

5. Thủ trưởng các phòng, ban cấp huyện

Quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản (trừ các tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này).

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản (trừ các tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này).

Điều 8. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại là:

- a) Trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- b) Xe ô tô;

c) Các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh quyết định xử lý tài sản công bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công của:

- a) Cơ quan mình quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản (trừ các tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này);
- b) Chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đến dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản (trừ các tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này).

3. Thủ trưởng Chi cục trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh

Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tài sản công của cơ quan mình có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản (trừ các tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã

quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản (trừ các tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này).

5. Thủ trưởng các phòng, ban cấp huyện

Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản (trừ các tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này).

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản (trừ các tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này).

Chương III

PHÂN CẤP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 9. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư

Thủ trưởng đơn vị quyết định mua sắm tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, Quỹ phúc lợi và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định.

2. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên:

a) Đối với nguồn kinh phí ngân sách cấp: Thủ trưởng đơn vị quyết định mua sắm đối với tài sản khác có giá trị dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản hoặc có giá trị dưới 01 tỷ đồng tính trên danh mục, dự toán mua sắm cho đơn vị mình;

b) Đối với nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định: Thủ trưởng đơn vị quyết định mua sắm tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô).

3. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo một phần kinh phí và các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

Thủ trưởng đơn vị quyết định mua sắm đối với:

- Tài sản khác có giá trị dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản hoặc có giá trị dưới 01 tỷ đồng tính trên danh mục, dự toán mua sắm cho đơn vị mình;

- Tài sản khác có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản hoặc có giá trị từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng tính trên danh mục, dự toán mua sắm cho đơn vị sự nghiệp trực thuộc từ nguồn kinh phí được phép sử dụng.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

Thủ trưởng đơn vị quyết định mua sắm đối với các tài sản khác có giá trị dưới 100 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản hoặc có giá dưới 500 triệu đồng tính trên danh mục, dự toán mua sắm từ nguồn kinh phí được phép sử dụng.

c) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Chi cục

Thủ trưởng đơn vị quyết định mua sắm đối với các tài sản khác có giá trị dưới 100 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản hoặc tính trên danh mục, dự toán mua sắm từ nguồn kinh phí được phép sử dụng.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định thuê cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập

1. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thuê tài sản từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, Quỹ phúc lợi và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định để phục vụ cho các hoạt động của đơn vị.

2. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để thuê tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định thuê tài sản thực hiện như sau:

a) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thuê tài sản không phải là cơ sở hoạt động sự nghiệp cho đơn vị mình đối với tài sản có giá thuê tính cho cả thời gian thuê (tính cho một hợp đồng) dưới 100 triệu đồng và cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc có giá thuê từ 50 triệu đến dưới 100 triệu từ nguồn kinh phí được phép sử dụng;

b) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh quyết định việc thuê tài sản không phải là cơ sở hoạt động sự nghiệp đối với tài sản có giá thuê tính cho cả thời gian thuê (tính cho một hợp đồng) dưới 50 triệu đồng từ nguồn kinh phí được phép sử dụng;

c) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thuê tài sản không phải là cơ sở hoạt động sự nghiệp đối với tài sản có giá thuê tính cho cả thời gian thuê (tính cho một hợp đồng) dưới 50 triệu đồng từ nguồn kinh phí được phép sử dụng;

d) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Chi cục quyết định việc thuê tài sản không phải là cơ sở hoạt động sự nghiệp đối với tài sản có giá thuê tính cho cả thời gian thuê (tính cho một hợp đồng) dưới 50 triệu đồng từ nguồn kinh phí được phép sử dụng;

đ) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thuê tài sản không phải là cơ sở hoạt động sự nghiệp đối với tài sản có giá thuê tính cho cả thời gian thuê (tính cho một hợp đồng) dưới 50 triệu đồng từ nguồn kinh phí được phép sử dụng.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định bán tài sản được hình thành từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, Quỹ phúc lợi và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô).

2. Trường hợp tài sản hình thành có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định bán tài sản công (trừ các tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 7 của Quy định này) thực hiện như sau:

a) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc bán tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản của đơn vị mình và tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đến dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc;

b) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh, trực thuộc Chi cục quyết định việc bán tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản;

c) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc bán tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản;

d) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc bán tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập (trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh; trực thuộc Chi cục; trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện) quyết định thanh lý tài sản công của đơn vị mình đối với các tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới

500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản (trừ các tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 7 của Quy định này).

Điều 13. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công (trừ các tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 7 của Quy định này)

1. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc tiêu hủy tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản của đơn vị mình và tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đến dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

2. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh, trực thuộc Chi cục quyết định việc tiêu hủy tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc tiêu hủy tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản.

4. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc tiêu hủy tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại (trừ các tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 8 của Quy định này)

1. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản của đơn vị mình và tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đến dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

2. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh; trực thuộc Chi cục quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản.

4. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công, điều chuyển tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập

Thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6 của Quy định này.

Chương IV

PHÂN CẤP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG ĐỐI VỚI CƠ QUAN, TỔ CHỨC KHÁC; THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN THUỘC ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ

Điều 16. Phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công đối với tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh

1. Việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công đối với tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh được thực hiện như các sở, ban, ngành tỉnh; đối với tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện được thực hiện như các phòng, ban cấp huyện theo quy định tại Chương II của Quy định này.

2. Việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh được thực hiện như đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh theo quy định tại Chương III của Quy định này.

Điều 17. Phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công; quyết định thuê trụ sở làm việc; quyết định thu hồi; quyết định điều chuyển; quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy; quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tài sản công tại tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.

Điều 18. Phân cấp quản lý, sử dụng tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động của Văn phòng Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy

Phân cấp quản lý, sử dụng tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động của Văn phòng Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy trong việc quyết định mua sắm tài sản công; quyết định thuê trụ sở làm việc; quyết định thu hồi; quyết

định điều chuyển; quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy; quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tài sản công được thực hiện như các phòng, ban cấp huyện theo quy định tại Chương II của Quy định này.

Điều 19. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án thuộc địa phương quản lý

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại./.